

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2020/HSPT
Ngày 05 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Việt

Ông Tạ Văn Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Cao Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 104/2019/HSPT-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019, do có kháng cáo của bị hại Phạm Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2019/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Họ và tên: **Trần Anh T**, sinh ngày 08/3/1985 tại T, P; Giới tính: Nam; tên gọi khác: không có; HKTT: khu L, xã V, huyện T, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Trần Văn H, sinh năm 1963; Mẹ đẻ: Đinh Thị N, sinh năm 1966; Vợ: Thiều Thị T, sinh năm 1991; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018; Hiện bố, mẹ, vợ, con đều ở khu L, xã V, huyện T, tỉnh P; Anh chị em ruột: bị cáo có 03 anh em, nhỏ nhất sinh năm 1990, bị cáo là lớn nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam. Bị cáo thi hành cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã V, huyện T, tỉnh P từ ngày 02/7/2019 đến ngày 22/9/2019.(Có mặt).

Người bị hại: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1976.(Có mặt).

Địa chỉ: Khu L, xã V, huyện T, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 23/4/2019, Trần Anh T đứng chỉ đạo anh Đinh Văn T là người lái máy xúc do anh T thuê mức hố trồng cây tại mảnh đất đồi của gia đình T thuộc khu L, xã V, huyện T. Đến khoảng 8 giờ 30 phút, chị Phạm Thị H thấy có máy xúc đang mức đất tại khu vực giáp ranh với đất của gia đình chị H, chị H đi lên thấy T và hỏi T về việc ai nhờ những chiếc cọc sắt chị H đã đóng ở ranh giới đất lâm nghiệp của gia đình chị H với đất của gia đình T, T trả lời “cháu nhờ vì cháu hỏi chú Tám chồng cô rồi”, chị H nói “cọc này do cô đóng không biết Tám nào hết” và nói đến chiều sẽ gọi người đến để xây tường rào, T nói lại “cô cứ gọi người xuống xây nhưng phải gọi địa chính xã xuống đo đất, đất của cô đến đâu thì cô xây nhưng phải trả tiền mức đất cho cháu”. Sau đó chị H có nói to tiếng với T “chúng mày định cướp đất của tao à”, T nói “bà ăn nói cẩn thận ai cướp đất của bà”. Sau đó hai bên xảy ra cãi chửi nhau”, T nói “bà ăn nói cho cẩn thận đừng nói láo nữa không tôi tát cho vỡ mồm đấy”, chị H đứng đối mặt với T thách thức, T dùng tay phải tát vào má trái chị H một cái, chị H sau khi bị tát bỏ đi ra nhặt cọc sắt bị đổ để dựng lại vừa nhặt vừa tiếp tục chửi. Thấy chị H tiếp tục chửi T đi lại phía chị H tay trái cầm một đoạn cây nửa khô dài 1,49m một đầu bị đập (đoạn nửa này có từ trước dùng để chống dây điện), tay phải chỉ vào mặt chị H nói “bà đừng chửi láo không tôi đánh cho đấy”, lúc này chị H đang cầm viên đá để sử dụng đóng cọc trên tay đập về phía tay của T nhưng không trúng, T sẵn đoạn cây nửa khô cầm trên tay trái vụt một cái trúng phần đầu chị H, thấy vậy chị Đinh Thị T ở cùng khu L, xã V đến can ngăn. Hậu quả: Chị Phạm Thị H bị thương phải đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T và điều trị từ ngày 23/4/2019 đến ngày 27/4/2019.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 87 ngày 27/5/2019. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 120/TgT/2019 ngày 03/6/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh P kết luận: Chấn động não điều trị ổn định: 03%. Vết thâm da vùng đỉnh đầu trong thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể dùng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần không có mục xếp tỷ lệ phần trăm thương tích. Cơ chế hình thành các tổn thương chị Phạm Thị H do tác động trực tiếp của vật cứng vào vùng đỉnh đầu gây sưng nề bầm tím da đầu, chấn động não, tăng áp lực nội sọ đột ngột, ảnh hưởng đến hoạt động của các tế bào não bộ.

Ngày 02/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định Khởi tố vụ án hình sự, Khởi tố bị can đối với Trần Anh T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS.

Tại Cơ quan CSĐT - Công an huyện T và tại phiên tòa sơ thẩm, Trần Anh T đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên. Về trách nhiệm dân sự bị cáo T không đồng ý với yêu cầu của chị H, tại cơ quan điều tra T tự nguyện bồi thường cho chị H số tiền là 20.000.000đ nhưng chị H không đồng ý. Tại phiên tòa, T đề nghị HĐXX xem xét và bị cáo bồi thường cho chị H theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bị hại: Chị H yêu cầu anh T bồi thường chi phí điều trị, tiền công lao động của chị và của người chăm sóc, tiền chi phí đi lại, tổn hại tinh thần, sức khỏe và các chi phí khác với tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

Tại bản Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2019/HS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, xử :

Tuyên bố: Bị cáo Trần Anh T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Anh T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã V, huyện T, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Trần Anh T thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo đúng quy định tại Mục 3 quy định về thi hành án phạt cải tạo không giam giữ của Luật thi hành án hình sự.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo tính theo mức lương tối thiểu là 1.490.000đ, cụ thể là $1.490.000đ \times 10\% = 149.000đ$ (Một trăm bốn mươi chín nghìn đồng)/01 tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung công quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 590, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Anh T phải bồi thường cho chị Phạm Thị H số tiền là: 9.437.000đ (Chín triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Bản án tuyên về án phí và các vấn đề khác đúng pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 11/11/2019 chị Phạm Thị H là người bị hại kháng cáo Bản án số 47/2019/HS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, chỉ đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Anh T; yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản: tiền thuốc, viện phí, chi phí đi lại, tiền tổn thất về sức khỏe và tinh thần là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng); yêu cầu người làm chứng có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa người bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; trong quá trình xét xử bị hại trình bày quan điểm đồng ý rút đơn kháng cáo và đơn đề nghị truy tố đối với bị cáo Trần Anh T nếu bị cáo T bồi thường các khoản cho người bị hại tổng số tiền: 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận các hành vi đã gây thương tích cho chị Phạm Thị H là do bị cáo gây ra. Bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho người bị hại tổng số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại về việc tăng bồi thường dân sự; Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo Trần Anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị hại Phạm Thị H trong hạn luật định được xem xét giải quyết.

[2]. Xét kháng cáo chị Phạm Thị H là người bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về hình phạt: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên bị cáo đã khai nhận đã có hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của người bị hại và những người liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt bị cáo Trần Anh T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý gây thương tích". Hơn nữa nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại là chị H, sau khi phát hiện anh T nhờ những cọc sắt của nhà chị đã đóng trước đó để xác định ranh giới đất lâm nghiệp của gia đình chị H giáp với đất của gia đình T thì chị H không xác minh làm rõ, cũng không báo cáo chính quyền địa phương để tiến hành hòa giải lại có những lời nói chửi bới thách thức về phía bị cáo, chị H khi đang cầm viên đá để sử dụng đóng cọc trên tay đập về phía tay của T nhưng không trúng, T sẵn đoạn cây nửa khô cầm trên tay trái vụt một cái trúng phần đầu chị H. Thấy rằng để xảy ra sự việc phía bị hại là chị H cũng có một phần lỗi. Do vậy chị H cũng phải chịu một phần chi phí điều trị. Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị H 80% chi phí hợp lý là: $11.797.300đ \times 80\% = 9.437.800đ$ (Chín triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng). Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra và tuyên phạt bị cáo mức án trong khung hình phạt là có căn cứ.

[2.2]. Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy hành vi của bị cáo gây thương tích cho chị H, chị H đã phải điều trị tại Trung tâm y tế huyện T và Bệnh viện đa khoa tỉnh P gồm: Tiền viện phí, khám chữa bệnh và tiền thuốc từ ngày 23/4 - 27/4/2019 là 6.697.300đ; Chi phí đi lại: 1.100.000đ; Bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 2.000.000đ; Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của chị H là 1.000.000đ; Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người chăm sóc là 1.000.000đ. Tổng các khoản chi phí hợp lý là: 11.797.300đ (Mười một triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm đồng), chị H cũng có lỗi một phần do đó chị H phải tự chịu 20% chi phí hợp lý là: $11.797.300đ \times 20\% = 2.359.500đ$ (Hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng). Bị cáo Trần Anh T phải chịu 80% các chi phí hợp lý còn lại với số tiền là 9.437.800đ (Chín triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng). Do đó, bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị H là phù hợp với pháp luật.

Đối với yêu cầu của chị Phạm Thị H buộc bị cáo Trần Anh T phải bồi thường chi phí điều trị, tiền công lao động, chi phí đi lại, tổn hại tinh thần và sức khỏe với tổng số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Tại phiên tòa chị H không đưa được căn cứ chứng minh được việc phải chi phí và tổn hại về sức khỏe và tinh thần. Tại bản kết luận số:120/TgT/2019 ngày 03/6/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Thọ kết luận: "*Chấn động não điều trị ổn định:03%*" Như vậy, kháng cáo của người bị hại về phần bồi thường dân sự về các khoản chi phí: tiền thuốc, viện phí, chi phí đi lại, tiền tổn thất về sức khỏe và tinh thần là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) không phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo Trần Anh T tự nguyện bồi thường cho chị H 02 tháng lương tối thiểu là: 1.490.000đ x 02 tháng = 2.980.000đ (Hai triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tổn thất về tinh thần cho chị H. Như vậy, bị cáo Trần Anh T phải bồi thường cho chị Phạm Thị H tổng số tiền là : 12.417.800đ (Mười hai triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, tám trăm đồng).

[2.3] Đối với việc yêu cầu người làm chứng là chị Đinh Thị T, anh Đinh Văn T, anh Lê Văn T - là những người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ, hơn nữa tại cơ quan điều tra và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Anh T thừa nhận có hành vi dùng cây nứa vọt vào đầu chị H phù hợp với lời khai của các nhân chứng chị Đinh Thị T được thể hiện tại (BL 78 - 83) và anh Đinh Văn T (BL 84 - 98) Lê Văn T (BL 90 - 91). Do vậy, yêu cầu của chị Phạm Thị H về việc triệu tập người làm chứng là không cần thiết.

Từ những nhận định trên chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại về phần tăng mức bồi thường dân sự về tổn thất về tinh thần, giữ nguyên phần hình phạt. Sửa Bản án sơ thẩm hình sự số: 47/2019/HS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú T.

[3] .Về án phí: Chị Phạm Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Anh T bồi thường cho chị H 02 tháng lương tối thiểu là: 1.490.000đ x 02 tháng = 2.980.000đ (Hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tổn thất về tinh thần cho chị H.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm hình sự số: 47/2019/HS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Anh T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 36; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Anh T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã V, huyện T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho UBND xã V, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã V, huyện T, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Trần Anh T thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo đúng quy định tại Mục 3 quy định về thi hành án phạt cải tạo không giam giữ của Luật thi hành án hình sự.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo tính theo mức lương tối thiểu là 1.490.000đ, cụ thể là $1.490.000đ \times 10\% = 149.000đ$ (Một trăm bốn mươi chín nghìn đồng)/01 tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung công quỹ nhà nước.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 590, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Anh T phải bồi thường cho chị Phạm Thị H số tiền là: 12.417.800đ (Mười hai triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, tám trăm đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về xử lý vật chứng vụ án:

Áp dụng: khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn cây nửa khô, một đầu đã bị dập vỡ dài 1,49m, đường kính 3cm.

[4]. Về án phí:

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 23, Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc bị cáo Trần Anh T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 620.890đ làm tròn 620.000đ (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- TAND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo; Người bị hại;
- UBND xã V, huyện T;
- PV 06 Công an tỉnh P;
- Lưu HS, AV, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

